TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2024/HC-PT
Ngày: 23 - 4 - 2024
V/v Khiếu kiện hành vi không bồi thường do thu hồi đất và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1015/2023/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "Khiếu kiện hành vi không bồi thường do thu hồi đất và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2023/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1049/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Đỗ Thấm N, sinh năm 1945 (vắng mặt);

Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: I, đường V, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N và bà L (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/8/2023): Ông Trần Gia M, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Trần Gia M, A, KDC V, Khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (vắng mặt);

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

3. *Người kháng cáo*: người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2012; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 01/7/2016; yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 03/7/2017; đơn thay đổi đối tượng bị khởi kiện ngày 27/7/2019 của ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L cũng như lời trình bày tại phiên tòa của ông Trần Gia M - người đại diện theo ủy quyền của ông N và bà L:*

Ông N là chủ sử dụng phần đất diện tích 4.900m^2 thuộc thửa 32, tờ bản đồ số 11 phường Q, thành phố B; nguồn gốc thửa đất do ông N nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn C vào năm 1992 (giấy chuyển nhượng đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Q). Gia đình ông N quản lý, sử dụng thửa đất liên tục từ năm 1992 cho đến năm 2002 thì bị thu hồi 1.842m^2 để thực hiện Công trình mở rộng, nâng cấp quốc lộ A (phần diện tích đất 3.058m^2 còn lại cũng bị thu hồi để thực hiện dự án trụ sở làm việc điện lực B).

Tuy nhiên khi thu hồi phần diện tích đất trên, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B đã không thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật Đất đai về thu hồi đất và bồi thường đất, cụ thể: không thực hiện đo đạc, không xác định cụ thể phần diện tích đất thu hồi, không có quyết định thu hồi đất và không bồi thường đất cùng hoa màu trên đất cho ông N.

Sau gần 10 năm với nhiều đơn thư khiếu nại gửi đến UBND thành phố B, UBND tỉnh Đ thì ngày 25/2/2011, Chủ tịch UBND thành phố B mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông N với nội dung:

- "Bác nội dung đơn khiếu nại đề ngày 04/4/2010 của ông Đỗ Thấm N...yêu cầu bồi thường đất dự án mở rộng quốc lộ 1K thuộc thửa số 32 BĐĐC số 11 phường Q bị thu hồi là không có cơ sở xem xét giải quyết".

- "Chấp thuận nội dung yêu cầu tính toán hỗ trợ hoa màu trên đất đối với diện tích bị thu hồi trong dự án mở rộng, nâng cấp quốc lộ A".

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại trên, tháng 5/2011 ông N đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa yêu cầu Tòa án

buộc UBND thành phố B phải thực hiện bồi thường cho ông N phần diện tích đất bị thu hồi là 1.842m^2 và hoa màu trên đất để thực hiện Công trình mở rộng, nâng cấp quốc lộ A.

Quá trình Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết vụ án, ngày 31/7/2015 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2574/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ A và ngày 07/8/2015, UBND thành phố B tiếp tục ban hành Quyết định số 2670/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ A. Sau khi nhận các Quyết định trên, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và chỉ có thay đổi về phần diện tích đất yêu cầu bồi thường từ 1.842m^2 xuống còn 1.354,8m^2.

Ngày 03/7/2017, ông N khởi kiện bổ sung đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B. Ngày 27/7/2019, vợ chồng ông N có đơn xin thay đổi đối tượng bị khởi kiện, cụ thể vợ chồng ông N xác định việc thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1K là của Chủ tịch UBND tỉnh Đ nên thay đổi người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch UBND tỉnh Đ phải thực hiện việc bồi thường phần diện tích đất 1.354,8m^2 cho vợ chồng ông N.

Sau khi thụ lý yêu cầu thay đổi đối tượng bị khởi kiện như trên, ngày 26/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền. Nay vợ chồng ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch UBND tỉnh Đ phải thực hiện bồi thường cho vợ chồng ông N phần diện tích đất bị thu hồi là 1.354,8m^2 cùng hoa màu trên đất để thực hiện công trình mở rộng, nâng cấp quốc lộ A và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B.

* *Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đ trình bày:* Theo Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 30/10/2003 của UBND phường Q, đất của ông Đỗ Thấm N có nguồn gốc là đất nông nghiệp do ông Nguyễn Văn C sử dụng trước năm 1975, đến năm 1992 ông C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thấm N sử dụng. Diện tích đất hộ ông Đỗ Thấm N khởi kiện nằm trong diện tích đất đã được xử lý theo Quyết định số 690/QĐ ngày 05/7/1993 của UBND thành phố B. Theo nội dung Quyết định số 690/QĐ ngày 05/7/1993, UBND thành phố B đã hủy bỏ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái phép của UBND phường Q cho 22 trường hợp cá nhân và thu hồi toàn bộ diện tích đất này giao UBND phường Q quản lý (trong đó có hộ ông Đỗ Thấm N).

Ngày 01/10/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1311/QĐ-TTg về việc thu hồi diện tích 93.671,4m^2 đất tại các phường Q, Hòa Bình, B, thành phố B để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại thành phố B (trong đó có diện tích 1.354m^2 đất mà ông N khởi kiện). Ngày 07/8/2015, UBND thành phố B ký Quyết định số 2670/QĐ- UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Đỗ Thấm N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại phường Q, thành phố B.

a) Việc khởi kiện không ban hành quyết định thu hồi đất: Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại thành phố B, ngày 01/10/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1311/QĐ-TTg về việc thu hồi diện tích 93.671,4m^2 đất tại các phường Q, Hòa Bình, B, thành phố B để thực hiện dự án trong đó có hộ ông Đỗ Thấm N). Căn cứ Điều 23, Điều 28 Luật Đất đai năm 1993, việc thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Đ không ban hành quyết định thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm nên trên.

b) Về việc bồi thường, hỗ trợ: Diện tích đất ông Đỗ Thấm N khởi kiện và yêu cầu bồi thường đã được UBND thành phố B xử lý tại Quyết định số 690/QĐ ngày 05/7/1993. Căn cứ Điều 6 Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì ông Đỗ Thấm N không đủ điều kiện để được tính toán bồi thường đất.

Đối với việc khởi kiện về tính toán bồi thường hoa màu trên đất, ngày 07/8/2015, UBND thành phố B ký Quyết định số 2670/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Đỗ Thấm N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại phường Q, thành phố B (hộ ông Đỗ Thấm N được bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất với số tiền 4.742.000 đồng).

c) Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 25/3/2011 về việc giải quyết khiếu nại của UBND thành phố B

Ngày 24/11/2011, UBND thành phố B đã ký Quyết định số 4565/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đỗ Thấm N, địa chỉ số I, đường V, Khu phố A, phường Q, thành phố B thay thế Quyết định số 534/QĐ.UBTP ngày 25/3/2011. Do đó, việc ông Đỗ Thấm N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ.UBTP ngày 25/03/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B là không có cơ sở giải quyết.

Từ nội dung trên, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thấm N yêu cầu bồi thường về đất và hoa màu trên đất khi thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ A; bác yêu cầu hủy Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 25/3/2011 về việc giải quyết khiếu nại của UBND thành phố B (vì Quyết định số 534/QĐ-

UBND ngày 25/3/2011 của UBND thành phố B đã được thay thế tại Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 24/11/2011).

** Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố B trình bày:*

Ngày 04/4/2010, ông N có đơn khiếu nại Quyết định số 2772/QĐ- UBTP ngày 17/11/2003 của UBND thành phố B về việc phê chuẩn phương án bồi thường Công trình xây dựng trụ sở làm việc Điện lực B tại phường Q nhưng không bồi thường về đất; ông N yêu cầu được tính toán bồi thường đất nông nghiệp đối với diện tích 3.058m^2 thuộc một phần thửa 32 tờ BĐĐC số 11 phường Q. Ngày 17/3/2011, Chủ tịch UBND thành phố tổ chức đối thoại với ông Đỗ Thấm N.

Ngày 25/3/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 534/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đỗ Thấm N, theo đó: Bác nội dung đơn đề ngày 04/4/2010 của ông N yêu cầu được bồi thường đối với diện tích 3.058m^2 đất trong dự án Xây dựng trụ sở làm việc Điện lực B và yêu cầu bồi thường đất trong dự án mở rộng nâng cấp Quốc Lộ A thuộc thửa đất số 32 tờ BĐĐC số 11 phường Q bị thu hồi là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Nhận thấy: Nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường một phần thửa đất 32 tờ BĐĐC 11 và hoa màu trên phần đất thuộc dự án mở rộng Quốc lộ A là không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 2772/QĐ-UBTP ngày 17/11/2003 về việc phê chuẩn phương án bồi thường Công trình xây dựng trụ sở làm việc Điện lực B (không phê chuẩn phương án bồi thường tại dự án mở rộng Quốc lộ A). Do đó, Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 25/3/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Thấm N ngụ tại phường Q đã bị thu hồi và thay thế bằng Quyết định số 4565/QĐ- UBND ngày 24/11/2011 về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Đỗ Thấm N, ngụ phường Q. Việc ông (bà) Đỗ Thấm N, Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND ngày 25/03/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B là không có căn cứ và không còn đối tượng để khởi kiện.

Trên đây là một số ý kiến bổ sung của người bị kiện. Kính trình bày và chuyển Tòa nhân dân xem xét, giải quyết theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Đỗ Thấm N, Trịnh Thị L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2023/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L về việc yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Đ phải thực hiện bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi (1.354,8m^2) cùng hoa màu trên đất để thực hiện công trình mở rộng, nâng cấp quốc lộ A và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND ngày

25/02/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/9/2023, ông Trần Gia M là đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N, bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Trần Gia M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Gia đình ông N quản lý, sử dụng thửa đất liên tục từ năm 1992 cho đến năm 2002 thì bị thu hồi 1.842m^2 để thực hiện Công trình mở rộng, nâng cấp quốc lộ A (phần diện tích đất 3.058m^2 còn lại cũng bị thu hồi để thực hiện dự án trụ sở làm việc điện lực B). Do đó, ông N có có quá trình sử dụng đất hợp pháp, ổn định, không có tranh chấp, thuộc trường hợp được giao đất theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Nghị định số 30/NĐ-HĐB ngày 23/3/1989 nên ông có đủ điều kiện để được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất.

Tuy nhiên khi thu hồi phần diện tích đất trên, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B đã không thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật Đất đai về thu hồi đất và bồi thường đất, cụ thể: không thực hiện đo đạc, không xác định cụ thể phần diện tích đất thu hồi, không có quyết định thu hồi đất và không bồi thường đất cùng hoa màu trên đất cho ông N là trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét khách quan, toàn diện nội dung, hoàn cảnh, tính chất đặc thù của vụ việc mà chỉ căn cứ vào Quyết định giám đốc thẩm số 33/2023/HC-GĐT ngày 26/6/2023 để bác yêu cầu khởi kiện của ông N1 là không có căn cứ, không đúng pháp luật.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa toàn bộ bản án phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc Chủ tịch UBND tỉnh Đ phải thực hiện bồi thường cho vợ chồng ông N phần diện tích đất bị thu hồi là 1.354,8m^2 cùng hoa màu trên đất để thực hiện công trình mở rộng, nâng cấp quốc lộ A và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Diện tích đất hộ ông N khởi kiện nằm trong diện tích đất đã được xử lý theo Quyết định số 690/QĐ ngày 05/7/1993 của

UBND thành phố B, đã hủy bỏ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái phép của UBND phường Q cho 22 trường hợp cá nhân và thu hồi toàn bộ diện tích đất này giao UBND phường Q quản lý (trong đó có hộ ông Đỗ Thấm N).

Việc ông N khởi kiện không ban hành quyết định thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại thành phố B là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ ngày 01/10/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1311/QĐ-TTg về việc thu hồi diện tích 93.671,4m^2 đất tại các phường Q, Hòa Bình, B, thành phố B để thực hiện dự án (trong đó có hộ ông Đỗ Thấm N). Đối với việc khởi kiện về tính toán bồi thường hoa màu trên đất, ngày 07/8/2015, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2670/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Đỗ Thấm N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A (hộ ông Đỗ Thấm N được bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất với số tiền 4.742.000 đồng).

Ngày 24/11/2011, UBND thành phố B đã ký Quyết định số 4565/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đỗ Thấm N, địa chỉ số I, đường V, Khu phố A, phường Q, thành phố B, Quyết định này thay thế Quyết định số 534/QĐ.UBTP ngày 25/3/2011. Do đó, việc ông Đỗ Thấm N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ.UBTP ngày 25/03/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B là không có căn cứ để chấp nhận vì quyết định giải quyết khiếu nại trên không liên quan đến dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại phường Q, thành phố B.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Gia M là đại diện ủy quyền của người khởi kiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, Chủ tịch UBND thành phố B; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện:

Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại thành phố B, ngày 01/10/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1311/QĐ-TTg về việc thu hồi diện tích 93.671,4m^2 đất tại các phường Q, Hòa Bình, B, thành phố B để thực hiện dự án trong đó có hộ ông Đỗ Thấm N). Căn cứ Điều 23, Điều 28 Luật Đất đai năm 1993, việc thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Đ không ban hành quyết định thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm nên trên.

Ngày 31/7/2015, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 2574/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A và ngày 07/8/2015 ban hành Quyết định số 2670/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A với số tiền 4.742.000 đồng (đợt bổ sung) là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định của Luật đất đai 1993, 2003 và Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Ngày 25/02/2011, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND và đến ngày 24/11/2011, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 4565/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 534/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định Khiếu nại, tố cáo và Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

[2.2] Về nội dung của các quyết định bị kiện:

[2.2.1] Về nguồn gốc: Phần đất có diện tích 1.354,8m^2 của ông N – bà L bị thu hồi để mở rộng Quốc lộ A thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 11, phường Q, thành phố B (tổng diện tích thửa đất là 4.900m^2) do ông N nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn C bằng giấy viết tay vào ngày 24/11/1992. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất có xác nhận của ông Lê Hữu Đ, Tập đoàn T1, phường Q, thành phố B (là tập đoàn sản xuất nông nghiệp); ông Trần Văn T, cán bộ nông nghiệp phường Q và bà Đinh Thị S, Chủ tịch UBND phường Q, thành phố B. Tuy nhiên, do ông Đ, ông T và bà S có hành vi ký duyệt và xác nhận cho các trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp tại Tập đoàn T1, phường Q (trong đó có trường hợp chuyển nhượng đất giữa ông C và ông N nêu trên) trái pháp luật nên ngày 05/7/1993, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 690/QĐ về việc xử lý việc mua bán

đất đai trái phép tại Tập đoàn T1, theo đó hủy bỏ việc chuyển quyền sử dụng đất trái phép của Ủy ban nhân dân phường Q cho 22 cá nhân không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp với tổng diện tích 38.850m^2 tại Tập đoàn T1; thu hồi toàn bộ số diện tích trên giao cho Ủy ban nhân dân phường Q quản lý.

[2.2.2] Về nội dung: Tại Biên bản họp xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 05/9/2002, Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phường Q đã kết luận, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N do nguồn gốc đất bị xử lý thu hồi theo Quyết định số 690/QĐ. Và ngày 05/3/2002, Ủy ban nhân dân thành phố B có Báo cáo số 312/UBTP về danh sách 21 trường hợp sai phạm trong việc sử dụng đất ở Tập đoàn T1 (cũ), trong đó có trường hợp của ông N.

Như vậy, việc ông N sử dụng phần đất diện tích đất 1.354,8m^2 trong tổng phần đất có diện tích 4.900m^2 thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 11 phường Q đã bị thu hồi theo Quyết định số 690/QĐ nên thuộc trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Do đó, không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

[2.2.3] Đối với việc bồi thường, hỗ trợ: Ngày 31/7/2015, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 2574/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ A và ngày 07/8/2015 ban hành Quyết định số 2670/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông N do thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ A với số tiền 4.742.000 đồng (đợt bổ sung) là đúng quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông N – bà L là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B:

Ngày 24/11/2011, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 4565/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 534/QĐ-UBND có nội dung bác toàn bộ khiếu nại của ông N về việc yêu cầu được bồi thường đối với diện tích 3.058m^2 đất trong dự án Xây dựng trụ sở làm việc Điện lực B và yêu cầu bồi thường đất trong dự án mở rộng nâng cấp Quốc Lộ A thuộc thửa đất số 32 tờ BĐĐC số 11 phường Q bị thu hồi là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Như đã nhận định ở trên, việc ông N sử dụng đất thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 11 phường Q đã bị thu hồi theo Quyết định số 690/QĐ nên thuộc trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Do đó, không đủ

điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.Việc Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 4565/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 534/QĐ-UBND là có hợp pháp, có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ gì mới ngoài những tài liệu, chứng đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, vì vậy hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N và bà L, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia M. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi. Tuy nhiên, do vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 vì vậy ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L phải chịu mức án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2023/HC-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L về việc yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Đ phải thực hiện bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi (1.354,8m^2) cùng hoa màu trên đất để thực hiện công trình mở rộng, nâng cấp quốc lộ A và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 534/QĐ-UBND ngày 25/02/2011 của Chủ tịch UBND thành phố B.

2. Về án phí hành chính:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06988 ngày 27/9/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Thấm N và bà Trịnh Thị L được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ **Trần Thị Thúy Hồng** **Nguyễn Đắc Minh**